

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH SÁNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH SÁNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH SANG CONSUTANT AND INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MSIC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108350440

**3. Ngày thành lập:** 05/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà P7C3, tập thể trường đại học Phòng cháy chữa cháy, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Giám sát xây dựng và hoàn thiện;<br>- Thi công xây dựng<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy | 7110        |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                 | 7410        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                       | 8299        |
| 4.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                              | 8559        |
| 5.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                           | 0810        |
| 6.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện , thiết bị phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                        | 3290        |
| 7.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;                                                                                                                                                                                                | 3312        |
| 8.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                   | 3320        |
| 9.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                         | 3600        |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4100(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4210 |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4220 |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời                                                                                        | 4290 |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311 |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329 |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330 |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390 |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4669 |
| 22. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HỮU TUẤN     | Thôn Áng Sơn, Xã Ninh Hòa, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                                                           | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 164369953                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ KIM OANH | Đội 4, thôn Áng Sơn, Xã Ninh Hòa, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                                                    | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    | 037184003439                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                                                             | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HỮU TƯỜNG    | Phòng 3004, tầng 30, tòa nhà CT3 - The Price, đường Tố Hữu, Khu đô thị mới An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 35.000     | 350.000.000           | 35,000    | 037086001372                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                                                             | Tổng số           | 35.000     | 350.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | LÃ THỊ THANH NGÀ    | Số nhà P7C3, tập thể trường đại học Phòng cháy chữa cháy, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 012624517                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                                                             | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU TUỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 25/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 037086001372

Ngày cấp: 19/09/2016

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 3004, tầng 30, tòa nhà CT3 - The Price, đường Tố Hữu, Khu đô thị mới An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 3004, tầng 30, tòa nhà CT3 - The Price, đường Tố Hữu, Khu đô thị mới An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội